

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ VÀ NHỎ TẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

● LÊ TÀI THU

TÓM TẮT:

Hiện nay, thành phần chiếm số lượng cao nhất trong khu vực kinh tế tư nhân là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (DNSNVN) đã có bước phát triển vượt bậc về số lượng; giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người lao động; thu hút nhiều nguồn vốn trong xã hội; góp phần tăng nhanh nguồn thu cho ngân sách nhà nước và đóng góp rất lớn trong việc ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là doanh nghiệp (DN) dễ bị tổn thương nhất và bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau đại dịch Covid-19. Vì vậy, bài viết này đưa ra thảo luận về vai trò, hạn chế và đưa ra một số giải pháp để phát triển DNSNVN trong thời gian tới.

Từ khóa: kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.

1. Một số khái niệm

1.1. Kinh tế tư nhân là gì?

Theo quan điểm kinh tế học, kinh tế tư nhân (KTTN) là thành phần kinh tế thuộc cơ cấu kinh tế một quốc gia, được hình thành và phát triển dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất cũng như lợi ích cá nhân.

KTTN bao gồm: kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân.

Về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: KTTN bao gồm các hộ gia đình, các DN tư nhân tham gia vào các quá trình, hoạt động sản xuất - kinh doanh ở các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, vận tải, nông - lâm - thủy sản, thương mại, dịch vụ, xây dựng,...

Về mô hình tổ chức: KTTN bao gồm các hộ kinh doanh cá thể và các DN tư nhân được tổ chức dưới các loại hình tư nhân, TNHH, cổ phần, hợp doanh,...

1.2. Thế nào là DN siêu nhỏ và nhỏ?

DNSNVN là một thành phần chiếm số lượng cao nhất trong KTTN. Tiêu chí xác định DNSNVN

theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP năm 2018 của Chính phủ. Cụ thể:

- Theo lao động và doanh thu:

+ DN siêu nhỏ: nông - lâm - thủy sản, công nghiệp, xây dựng có số lao động ≤ 10 người và doanh thu ≤ 3 tỷ đồng; thương mại và dịch vụ có số lao động ≤ 10 người và doanh thu ≤ 10 tỷ đồng.

+ DN nhỏ: nông - lâm - thủy sản, công nghiệp, xây dựng có số lao động ≤ 100 người và doanh thu 50 tỷ đồng; thương mại và dịch vụ có số lao động ≤ 50 người và doanh thu ≤ 100 tỷ đồng.

- Theo lao động và nguồn vốn:

+ DN siêu nhỏ: nông - lâm - thủy sản, công nghiệp, xây dựng có số lao động ≤ 10 người và nguồn vốn ≤ 3 tỷ đồng; thương mại và dịch vụ có số lao động ≤ 10 người và nguồn vốn 3 tỷ đồng.

+ DN nhỏ: nông - lâm - thủy sản, công nghiệp, xây dựng có số lao động ≤ 100 người và nguồn vốn ≤ 20 tỷ đồng; thương mại và dịch vụ có số lao động ≤ 50 người và nguồn vốn 50 tỷ đồng.

2. Quan điểm về phát triển kinh tế tư nhân của Đảng

Quan điểm về phát triển KTTN ở Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong tác phẩm “Thường thức chính trị” (T9/1953). Người đã đề cập đến sự tồn tại của các loại hình kinh tế khác nhau, trong đó có KTTN, “những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ, đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà”.

Đại hội VI của Đảng năm 1986, khởi xướng công cuộc đổi mới, đề ra chính sách kinh tế nhiều thành phần và qua từng kỳ đại hội, sau đó, tư tưởng này đã có những phát triển.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa VI và Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị khóa VI (15/7/1988), Đảng ta đã khẳng định: KTTN được phát triển không hạn chế địa bàn, quy mô, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (tháng 3/2002) tiếp tục xác định: KTTN là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, phát triển KTTN là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Tại Đại hội X (4/2006) của Đảng, KTTN chính thức được xác nhận là một thành phần kinh tế trên cơ sở hợp nhất hai thành phần kinh tế: cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân và được xác định rõ: “KTTN có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”. Đại hội đã thông qua một quyết định rất quan trọng là cho phép đảng viên được làm KTTN.

Đại hội XI (2011), vai trò KTTN được nâng tầm cao mới với việc đưa vào Nghị quyết “Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh KTTN trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình KTTN ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật”.

Đến Đại hội XII (tháng 01/2016), sự phát triển mới về nhận thức của Đảng đối với KTTN tại Đại hội XII là, chính thức xác nhận: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển

mạnh KTTN ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế”, lần đầu tiên khái niệm tập đoàn KTTN xuất hiện.

Kế thừa các đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục làm rõ và sâu sắc hơn nhiều vấn đề mới về phát triển KTTN. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định, phát triển mạnh mẽ khu vực KTTN cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, “thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển KTTN...”. Đây là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng vừa thúc đẩy KTTN tiếp tục phát triển; vừa phát huy vai trò của thành phần kinh tế này trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng trong tình hình mới. Khẳng định vai trò, động lực quan trọng của thành phần KTTN trong hội nhập quốc tế. KTTN đã góp phần quan trọng trong huy động các nguồn lực xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nhất là các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh du lịch, khu đô thị, sản xuất ô tô, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ. Hiệu quả nổi bật của các tập đoàn KTTN gần đây thể hiện khá rõ điều này. Đây là một trong những điểm mới nhất của Văn kiện Đại hội XIII.

3. Vai trò của DN siêu nhỏ và nhỏ

Thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế khu vực DN ngoài nhà nước đã có bước phát triển vượt bậc, có nhiều đóng góp trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cùng với sự gia tăng về số lượng và các ngành nghề kinh doanh phong phú, đa dạng đã đem lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Sự phát triển của DNSNVN đã mở mang ra nhiều ngành nghề, thúc đẩy lưu thông hàng hóa. Đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động hiệu quả, tạo được chỗ đứng trên thị trường. Sản phẩm ngày càng đa dạng, phong phú, được người tiêu dùng trong nước và ngoài nước ưa chuộng. Một số DN đã tạo thêm mặt hàng mới, thị trường mới, sản phẩm đã có sức cạnh tranh.

DNSNVN có vai trò lớn trong việc ổn định nền kinh tế, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khu vực DNSNVN đã thu hút nhiều đối tượng lao động như người đến tuổi lao động cần việc làm; lao động dôi dư từ các cơ quan,

DN nhà nước do tình giảm biên chế, giải thể, chuyển đổi, phá sản; lao động nông nhân trong nông nghiệp do chuyển dịch cơ cấu kinh tế,...

DNSNVN còn có khả năng thu hút vốn trong xã hội nhanh, hiệu quả, đầu tư vốn cao tạo ra khối lượng sản phẩm khá cho xã hội, tăng nhanh nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sau hơn 35 năm đổi mới, DNSNVN liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, chiếm tỉ trọng khá trong GDP, thu hút khá nhiều lực lượng lao động của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu ngân sách, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội,...

Nhiều tập đoàn tư nhân không chỉ dẫn đầu ở các lĩnh vực hoạt động trong nước, mà đã và đang xây dựng, phát triển thành công những sản phẩm, công trình mang tầm vóc khu vực và thế giới. KTTN đã góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm thay đổi diện mạo đất nước, tạo dấu ấn, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong đó DNSNVN luôn dẫn đầu về số lượng.

Trong năm 2019, DNSNVN đạt: về số lượng xấp xỉ 92,8%; thu hút số lao động xấp xỉ 28,7%; với nguồn vốn kinh doanh xấp xỉ 26,0%; tổng doanh thu thuần xấp xỉ 17,56% so với tổng số DN trong cả nước.

Bình quân giai đoạn 2016 - 2019: về số lượng DNSNVN đạt xấp xỉ 93,7%; thu hút số lao động xấp xỉ 30%; với nguồn vốn xấp xỉ 22,91%; tổng doanh thu thuần xấp xỉ 18,36% so với tổng số DN trong cả nước.

Vai trò khá quan trọng của DNSNVN thể hiện rất rõ qua số liệu thống kê sau đây được tính đến hết năm 2019. Ở đây, chúng ta xem xét DN đang hoạt động có kết quả sản xuất - kinh doanh.

3.1. Số lượng DN

Số DN cả nước là 668.505, trong đó số DN siêu nhỏ là 441031 chiếm 67,2% tăng 10% so với năm 2018; số DN nhỏ là 179.319 chiếm 26,82% tăng 8,6% so với năm 2018. Tổng số DNSNVN là 620.350 chiếm 92,8%.

Bình quân giai đoạn 2016 - 2019, số DNSNVN chiếm 93,7% trong tổng số DN của cả nước, trong

đó DN siêu nhỏ tăng 62,8%, DN nhỏ tăng 41,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015.

3.2. Số lao động

Số lao động đang làm việc trong các DN cả nước là 15,15 triệu người, tăng 2,4% so với cùng thời điểm của năm 2018, trong đó số lao động của DNSNVN chiếm 28,7%, trong đó, DN siêu nhỏ thu hút gần 1,7 triệu lao động giảm 3% so với năm 2018; DN vừa thu hút 2,5 triệu lao động, tăng 2,2% so với năm 2018.

Bình quân giai đoạn 2016-2019 các DN cả nước thu hút 14,6 triệu lao động, tăng 25,6% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. DN siêu nhỏ thu hút 1,5 triệu lao động, tăng 48,8%; DN nhỏ thu hút 2,7 triệu lao động, tăng 13,1% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Tổng số lao động DNSNVN là 4,2 triệu lao động, chiếm 30% số lao động trong các DN cả nước.

3.3. Nguồn vốn sản xuất - kinh doanh

Nguồn vốn cho sản xuất - kinh doanh của toàn bộ DN tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 43,3 triệu tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng thời kỳ năm 2018. Trong đó, nguồn vốn của DNSNVN là 11,3 triệu tỷ đồng, chiếm 26,0%, tăng 24,8%.

Bình quân giai đoạn 2016-2019, mỗi năm DN thu hút 35,8 triệu tỷ đồng vốn, tăng 90,3% so với vốn bình quân giai đoạn 2011-2015. Trong đó, DN siêu nhỏ thu hút 3,9 triệu tỷ đồng, chiếm 10,9%, tăng 140,0%; DN nhỏ thu hút 4,3 triệu tỷ đồng, chiếm 12,0%, tăng 60,0%. Bình quân tổng số nguồn vốn DNSNVN là 8,2 triệu tỷ đồng, chiếm 22,91%.

3.4. Kết quả sản xuất - kinh doanh

Tổng doanh thu thuần của toàn bộ khu vực DN năm 2019 đạt hơn 26,3 triệu tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2018. Trong đó, DN siêu nhỏ đạt thấp nhất với 715,9 nghìn tỷ đồng, chỉ chiếm 2,7%, tăng 8,0%; DN nhỏ đạt 3,9 triệu tỷ đồng, chiếm 14,9%, tăng 11,8%. Tổng doanh thu thuần của DNSNVN là 4,6159 triệu tỷ đồng; chiếm 17,56%.

Bình quân giai đoạn 2016-2019 mỗi năm các DN tạo ra 22 triệu tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 77,1% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Trong đó, DN siêu nhỏ đóng góp tỷ lệ thấp nhất trong tổng doanh thu thuần của toàn bộ khu vực DN với 638,5 nghìn tỷ đồng, chỉ chiếm 2,9%, tăng 48,4%; DN nhỏ tạo ra gần 3,4 triệu tỷ đồng, chiếm 15,2%, tăng

46,5%. Tổng doanh thu thuần bình quân của DNSNVN là 4,0385 triệu tỷ đồng, chiếm 18,36%.

DNSNVN có nhiều đóng góp rất quan trọng đến nền kinh tế góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội; đóng góp vào ngân sách quốc gia; tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. Hạn chế của DN siêu nhỏ và nhỏ

Ngoài những đóng góp rất quan trọng của DNSNVN, loại hình DN này cũng còn tồn tại nhiều hạn chế. Năm 2019, tổng lợi nhuận trước thuế DNSNVN là 2 thành phần DN duy nhất bị âm, tức là đều thua lỗ. Hiệu suất sử dụng lao động DN nhỏ là áp chót và thấp nhất là DN siêu nhỏ. Chỉ số quay vòng vốn thấp nhất là DN siêu nhỏ. Hiệu suất sinh lợi trên tài sản (ROA), hiệu suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) và hiệu suất sinh lợi trên doanh thu (ROS) của DNSNVN là đều âm. Thu nhập bình quân trong 1 tháng của 1 lao động thuộc DN nhỏ năm 2019 ở mức áp chót trong bảng thu nhập của DN nói chung; và thu nhập của 1 lao động thuộc DN siêu nhỏ thấp nhất, chỉ bằng 2/3 thu nhập trung bình của DN lớn. Điểm sáng duy nhất của DNSNVN chính là chỉ số nợ tốt nhất.

Những hạn chế của DNSNVN như sau: (Ở đây, chúng ta xem xét DN đang hoạt động có kết quả sản xuất – kinh doanh).

4.1. Lợi nhuận trước thuế

Năm 2019, tổng lợi nhuận trước thuế của khu vực DN đạt 889,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5% so với năm 2018. Tỷ lệ DN kinh doanh có lãi năm 2019 đạt 43,0%, giảm so với năm 2018 (44,1%). Tỷ lệ DN kinh doanh thua lỗ năm 2019 đạt 48,8%, tăng so với năm 2018 (48,4%). Trong đó, DNSNVN năm 2019 kinh doanh thua lỗ (DN nhỏ lỗ 3,4 nghìn tỷ đồng; DN siêu nhỏ lỗ 71,3 nghìn tỷ đồng).

Bình quân giai đoạn 2016-2019, mỗi năm DN cả nước tạo ra 843,5 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 84,1% so với mức lợi nhuận thu được bình quân giai đoạn 2011-2015.

Bình quân giai đoạn 2016-2019, mỗi năm DN siêu nhỏ lỗ 48,5 nghìn tỷ đồng (khu vực này mỗi năm lỗ bình quân 14,0 nghìn tỷ đồng giai đoạn

2011-2015); DN nhỏ tạo ra 1,5 nghìn tỷ đồng (bình quân giai đoạn 2011-2015 khu vực này mỗi năm lỗ 3,0 nghìn tỷ đồng).

4.2. Một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của DN nhỏ và vừa

Hiệu suất sử dụng lao động bình quân toàn bộ khu vực DN đạt 15,8 lần. Khu vực DN vừa có hiệu suất sử dụng lao động cao nhất với 18,8 lần, tiếp đó là khu vực DN lớn 16,9 lần; khu vực DN nhỏ 15,4 lần; thấp nhất là khu vực DN siêu nhỏ 5,1 lần.

Chỉ số quay vòng vốn của toàn bộ khu vực DN đạt 0,6 lần. Trong đó, khu vực DN vừa có chỉ số quay vòng vốn cao nhất với 0,9 lần; tiếp đến là DN nhỏ 0,8 lần; DN lớn 0,7 lần và thấp nhất là DN siêu nhỏ chỉ với 0,1 lần.

ROA của toàn bộ khu vực DN đạt 2,2%. DN lớn có ROA đạt 3,4%; DN vừa 0,9%; DN nhỏ -0,1% và DN siêu nhỏ -1,3%.

ROE của toàn bộ DN đạt 6,8%. DN lớn có ROE đạt cao nhất với 12,8%; DN vừa 3,0%; DN nhỏ -0,2% và DN siêu nhỏ -2,5%.

ROS của toàn bộ khu vực DN đạt 3,4%. DN lớn có ROS cao nhất đạt 4,9%; DN vừa 1,0%; DN nhỏ -0,1% và DN siêu nhỏ -10,0%.

Chỉ số nợ chung của toàn bộ DN năm 2019 là 2,1 lần, nói cách khác, tổng số nợ bình quân của DN năm 2019 gấp 2,1 lần vốn tự có bình quân của DN. DN lớn có chỉ số nợ cao nhất với 2,8 lần, tiếp đó là DN vừa 2,3 lần; khu vực DN nhỏ 1,6 lần; thấp nhất là khu vực DN siêu nhỏ 0,9 lần.

4.3. Thu nhập của người lao động

Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm trong DN năm 2019 đạt 9,3 triệu đồng, tăng 5,8% so với năm 2018. Cụ thể, thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm trong: khu vực DN siêu nhỏ có mức thu nhập thấp nhất, với 6,9 triệu đồng và giảm nhẹ (giảm 0,8%); khu vực DN nhỏ có mức thu nhập 8,1 triệu đồng, tăng 5,7%; khu vực DN vừa với 8,9 triệu đồng, tăng 7,9%; khu vực DN lớn có mức thu nhập cao nhất đạt 10,2 triệu đồng, tăng 6,2% tất cả so với năm 2018.

Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong các DN cả nước giai đoạn 2016-2019 đạt 8,5 triệu đồng, tăng 44,6% so với thu nhập bình quân giai đoạn 2011-2015. Trong đó, DN lớn có thu nhập bình quân tháng của 1 lao động cao nhất đạt 9,3 triệu đồng, tăng 41,1%; DN vừa đạt 8,1 triệu

đồng, tăng 48,6%; DN nhỏ đạt 7,3 triệu đồng, tăng 52,9%; DN siêu nhỏ có thu nhập bình quân thấp nhất với 6,3 triệu đồng, tăng 49,7% tất cả so với bình quân giai đoạn 2011-2015.

Những hạn chế của DNSNVN có nhiều nguyên nhân, đó là: Trong một thời gian dài KTTN được đối xử không công bằng, xuất phát điểm rất thấp. Nguồn vốn và số lao động rất nhỏ và nhỏ, mặc dù số lượng nhiều nhưng hoạt động sản xuất - kinh doanh thiếu ổn định, thiếu bền vững, hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao. Việc tiếp cận vay vốn thường khó khăn, thường tham gia vào các lĩnh vực đòi hỏi ít vốn, trình độ khoa học công nghệ thấp, việc đầu tư cho khoa học kỹ thuật hạn chế, giá trị gia tăng thấp. Năng lực cạnh tranh yếu do quy mô nhỏ, ít có tiếng nói, dễ bị tổn thương, thiếu quy hoạch, công nghệ lạc hậu. Trình độ, tay nghề của người lao động thấp, không được đào tạo bài bản, chế độ lương thưởng và bảo hiểm thấp ít thu hút được người giỏi, năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh yếu. Đa số các DNSNVN được phát triển trên cơ sở hộ cá thể, nên trình độ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, dựa vào kinh nghiệm, sự hiểu biết về pháp luật và kinh doanh còn yếu. Thị trường nhỏ, sức cạnh tranh yếu, rất dễ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau đại dịch Covid-19 thể hiện qua số lượng DN bị giải thể cao nhất năm 2020 là khu vực dịch vụ nơi đại đa số là DNSNVN đăng ký kinh doanh.

5. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển DN siêu nhỏ và nhỏ tại Việt Nam trong thời gian tới

DN ngoài nhà nước là một thành phần kinh tế ngày càng quan trọng. Tuy nhiên, so sánh giữa DNSNVN với tổng số DN trong cả nước, cho thấy: số lượng DN chiếm tỷ lệ rất cao hơn 90%; thu hút xấp xỉ 30% lực lượng lao động; với nguồn vốn huy động của xã hội xấp xỉ khoảng 25% và tạo ra tổng doanh thu thuần xấp xỉ 18% không tương xứng với nguồn vốn. ROA, ROE và ROS của DNSNVN là đều âm. Thu nhập của người lao động trong khu vực DNSNVN rất thấp.

Vì vậy, để thúc đẩy DNSNVN phát triển trong thời gian tới, đề xuất một số giải pháp sau:

- Hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với KTTN. Trước hết phải đổi mới hơn nữa về nhận thức của toàn xã hội đối với KTTN, trong đó có DNSNVN.

- DNSNVN còn rất nhiều tiềm năng chưa được phát huy, nhiều nguồn lực chưa được huy động, hoạt động chưa tương xứng với khả năng và nguồn lực, chưa có vị trí phù hợp với đóng góp của chính nó.

- Nhà nước cần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật đảm bảo cơ sở pháp lý cho KTTN. Đảm bảo công bằng, xóa bỏ mọi kỳ thị, định kiến với KTTN, vị thế của KTTN ở Việt Nam cần được nâng lên, coi đó là động lực của nền kinh tế. Cần tiếp tục hoàn thiện về thể chế, thực hiện đúng đường lối, chính sách, phát huy hơn nữa tiềm năng của KTTN, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân.

- Đưa ra các chính sách ưu đãi cho DNSNVN, hỗ trợ, giải quyết các khó khăn về đất đai, mặt bằng sản xuất - kinh doanh, vốn, các ngân hàng giảm lãi suất cho vay, cắt giảm thuế, giảm thuế nhập khẩu thiết bị và vật tư cùng nguyên liệu đầu vào, giảm thuế xuất khẩu các sản phẩm, trợ cấp, đầu tư, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ thành lập cơ sở kinh doanh, giảm bớt các thủ tục hành chính, nhà nước hỗ trợ việc tăng cường đầu tư công nghệ và phát triển khoa học công nghệ và thị trường, tạo môi trường kinh doanh công bằng, nhà nước hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực quản lý,...

- Tạo điều kiện ưu đãi về vốn, đất đai, thuế,... đối với DNSNVN đầu tư mới về công nghệ, trang bị máy móc hiện đại để phát huy lợi thế của các địa phương về công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp phụ trợ,... đổi mới công nghệ nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm. Nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh, đổi mới sáng tạo. Được bình đẳng trong tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi. Hỗ trợ về nhà ở, điện, nước, bảo hiểm, miễn học phí cho con cái của người lao động làm việc trong các DNSNVN.

- Miễn thuế thu nhập DN cho DNSNVN do các DN nhóm này đang bị thua lỗ.

- Nhà nước hỗ trợ tăng hiệu suất sử dụng lao động và chỉ số quay vòng vốn.

- Các DNSNVN cũng phải nỗ lực ở mức cao nhất để nâng cao ROA, ROE và ROS tiến tới là dương trong thời gian tới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2021*. Hà Nội: NXB Thống kê.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
3. Nguyễn Văn Dương (2022). Doanh nghiệp ngoài nhà nước là gì? Quy định về doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Truy cập tại <https://luatduonggia.vn/doanh-nghiep-ngoai-nha-nuoc-la-gi-quy-dinh-ve-doanh-nghiep-ngoai-quoc-doanh/>
4. Huy Thắng (2021). Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Cần đổi mới toàn diện cách làm. Truy cập tại <https://baohinhphu.vn/Kinh-te/Phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-Viet-Nam-Can-doi-moi-toan-dien-cach-lam/425640.vgp>
5. Chu Huỳnh (2021). Doanh nghiệp tư nhân: Tăng cả lượng và chất. Truy cập tại <https://congthuong.vn/doanh-nghiep-tu-nhan-tang-ca-luong-va-chat-167518.html>

Ngày nhận bài: 10/8/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/9/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/9/2022

Thông tin tác giả:

TS. LÊ TÀI THU

Bộ môn Toán, Học viện Ngân hàng

DEVELOPING MICRO AND SMALL-SIZED ENTERPRISES IN VIETNAM IN THE COMING TIME

● Ph.D **LE TAI THU**

Department of Mathematics, Banking Academy

ABSTRACT:

Micro and small enterprises, which account for the highest portion in the total number of private enterprises, have increased tremendously. Micro and small enterprises have created jobs for many workers, attracted many capital sources, and significantly contributed to the state budget, making a great contribution to the economic growth. However, these enterprises are the most vulnerable business group during the COVID-19 pandemic. This paper is to discuss the role, limitations and proposes some solutions to support the development of micro and small-sized enterprises in the coming time.

Keywords: private economy, enterprise, micro enterprise, small enterprises.